

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**Năm 2024**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của các cơ sở giáo dục ;

Trường THCS xã Nà Tấu báo cáo thường niên năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS xã Nà Tấu

2. Địa chỉ: Bản Trung Tâm, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

a) Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao; phát huy tính sáng tạo, khả năng thích ứng và năng lực tư duy của mỗi học sinh.

Cung cấp cho xã hội những học sinh có kiến thức sâu sắc, có tâm hồn trong sáng, có thể lực mạnh khỏe để tiếp tục học lên bậc học cao hơn hoặc đi vào lao động sản xuất, giúp các em trở thành các công dân tử tế và trung thành của đất nước.

b) Tầm nhìn

Là một trong những trường đi đầu của các trường vùng ngoài thành phố về chất lượng dạy và học; là sự lựa chọn ưu tiên của phụ huynh và học sinh có khát vọng vươn tới mạnh mẽ; là cộng đồng những người biết học tập suốt đời và được trang bị tốt cho tương lai.

Giai đoạn 2020-2025: Giáo dục học sinh có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm, tự trọng, có năng lực tư duy độc lập, phấn đấu học tập suốt đời.

Giai đoạn 2025-2030: Là nơi đáng tin cậy về chất lượng giáo dục – Nơi

ương mầm những ước mơ làm chủ tương lai, luôn khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy và sáng tạo, thích ứng với thời đại mới để sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

5. Thông tin người đại diện

Ông Trần Minh Hải, chức vụ Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0971153983

Địa chỉ thư điện tử: tranhai43@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy

Trường THCS xã Nà Tấu được chính thức thành lập từ năm 2000, theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 08 năm 2000 của UBND huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên)

Trường có Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ nhiệm kỳ 2023- 2028. Hội đồng gồm 11 người; hiện nay còn công tác:

- Ông Trần Minh Hải- Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng.
- Ông Quảng Văn Trường- Phó chủ tịch- UBND xã Nà Tấu.
- Ông Lò Văn Hinh- Trưởng Ban Đại Diện Cha mẹ học sinh.
- Ông Vũ Hồng Minh- Giáo viên- Chủ tịch Công đoàn.
- Ông Vũ Ngọc Thắng- Giáo viên- Phó bí thư chi bộ.
- Ông Lò Văn Cường- Tổ trưởng tổ Văn phòng.
- Bà Đào Thị Hải- Giáo viên- Tổng phụ trách Đội TNTPHCM
- Bà Nguyễn Thị Thương- Giáo viên- Tổ trưởng Tổ Toán- Tin.
- Bà Trần Mai Hương- Giáo viên- Tổ trưởng Tổ KHXH.
- Bà Bùi Thị Hiền- Giáo viên- Tổ trưởng Tổ KHTN.
- Em Quảng Thị Diệu Linh- Học sinh- Liên Đội trưởng trường THCS xã

Nà Tấu.

Chủ tịch Hội đồng trường là ông Trần Minh Hải, Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường.

Trường THCS Xã Nà Tấu có Hiệu trưởng, 0 Phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng được bố trí theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; Nhà trường chưa có Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 1421 /QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của

UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm đối với viên chức lãnh đạo, quản lý.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 được xây dựng phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội và định hướng phát triển kinh tế- xã hội của địa phương xã Nà Tấu theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Phòng GD&ĐT Thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt.

Quy chế chỉ tiêu nội bộ năm 2024 được ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-THCS, ngày 10/01 /2024; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công năm 2024 được ban hành kèm theo Quyết định số 02 /QĐĐ-THCS ngày 12/01/2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên theo nhóm VTVL và trình độ được đào tạo

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: có 01 vị trí (1 người)

- Hiệu trưởng (ĐHSP)

- Phó Hiệu trưởng: 0 người

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: có 2 vị trí (32 người)

- Giáo viên trung học cơ sở hạng I: 0 người

- Giáo viên trung học cơ sở hạng II: 20 người

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III: 12 người (11 ĐHSP; 01 CĐSP)

* Các vị trí khác được thực hiện kiêm nhiệm.

c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: có 1 vị trí (1 người)

- Kế toán trung cấp hạng IV: 01 người (TC)

- Y tế học đường: 0 người.

d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: có 02 vị trí (02 người)

- Nhân viên bảo vệ: 01 người

- Nhân viên phục vụ: 01 người

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Cán bộ quản lý: 01/01 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 100%

- Giáo viên: 16/32 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 50%

16/32 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Khá, tỷ lệ 50%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

- 36/36 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành học tập chính trị, nghiệp vụ hè, tỷ lệ: 100%;

- 33/33 giáo viên, cán bộ quản lý. hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên, tỷ lệ 100%.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường

Trường có tổng diện tích 13.320m², không có điểm trường. Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 học sinh 21,94m² đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm. non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Số lượng, hạng mục khối hành chính quản trị, khối phòng học tập; Khối phòng hỗ trợ học tập; khu sân chơi, thể dục thể thao

2.1. Khối phòng hành chính quản trị

- Có 01 Phòng Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng tối thiểu theo quy định hiện hành;

- Có 01 Phòng Phó Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng tối thiểu theo quy định hiện hành;

- Có 01 phòng Văn phòng có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng tối thiểu theo quy định hiện hành;

- Phòng thường trực (bảo vệ) đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí thuận tiện cho sử dụng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo hoạt động hàng ngày, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

2.2 Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học, phòng bộ môn: 22 phòng, trong đó 19 kiên cố, 03 phòng bán kiên cố.

+ Phòng học: 16 phòng (50m²/phòng)

+ Phòng bộ môn: 6 phòng

Phòng học được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

Phòng học bộ môn Âm nhạc: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Sinh Hóa: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Công Nghệ: 01 phòng;

Phòng học bộ môn Vật lí: 01 phòng;

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Trường có 01 thư viện với diện tích 100m² có tủ sách dùng chung, có khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;

Phòng thiết bị giáo dục: có 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng truyền thống đoàn đội: có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị;

2.4. Khối phụ trợ

Nhà trường bố trí 02 khu để xe học sinh: có mái che, vị trí thuận lợi cho học sinh gần lối ra vào;

Khu vệ sinh học sinh: 02 khu riêng biệt, số lượng thiết bị đảm bảo theo quy định tối thiểu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường. Khuôn viên trường có Cổng, hàng rào tường xây ngăn cách với bên ngoài bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường được xây kiên cố, vững chắc có gắn cổng và biển tên trường.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Tổng diện tích sân chơi bãi tập 3000m² để tổ chức các hoạt động của toàn trường: sân chơi bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

- Trường có 01 sân thể dục thể thao diện tích 3000m² đảm bảo cho các hoạt động vận động cho học sinh.

Nhìn chung, cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

- Khối 6: 1 bộ

- Khối 7: 1 bộ

- Khối 8: 1 bộ

- Khối 9: 1 bộ

Cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

4. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

Năm học 2023- 2024 nhà trường thực hiện tốt việc duy trì các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số lượng học sinh

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2023-2024: 151 học sinh.
- Tổng số học sinh: 580 học sinh/16 lớp.
- + Khối lớp 6: 151/4 lớp. Bình quân 37,8 HS/lớp
- + Khối lớp 7: 171/4 lớp. Bình quân 42,8 HS/lớp
- + Khối lớp 8: 134/4 lớp. Bình quân 33,5 HS/lớp
- + Khối lớp 9: 124HS/4 lớp. Bình quân 31,0 HS/lớp
- Số học sinh dân tộc: 527 học sinh.
- Số học sinh khuyết tật: 0 học sinh.

2. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2023-2024

a) Về kết quả học tập

* MHTHM: Lớp 9

Năm học	Học tập			Phẩm chất		
	HHT	HT	CNDCHT	Tốt	Đạt	CCG
2023-2024	14/124= 11,3%	94/124= 75,8%	16/124= 12,9%	84/124= 67,7%	31/124= 25,0%	9/124= 7,3%

* CTGDPT 2018: Lớp 6, 7, 8.

Năm học	Học tập				Rèn luyện		
	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	Tốt	Khá	Đạt
2023 - 2024	48/456= 10,5%	161/456= 35,3%	238/456= 52,2%	9/456= 2%	337/456= 73,9%	109/456 =23,9%	10/456 =2,2%

- Học sinh lên lớp thẳng: 568/580 = 97,9 %
- Học sinh kiểm tra lại: 12 học sinh, tỉ lệ: 2,1%
- Học sinh lưu ban: 03 học sinh, tỉ lệ: 0,5%.
- Học sinh tốt nghiệp THCS: 123/124 học sinh, tỉ lệ: 99,2% (01 HS ốm đi điều trị bệnh xin nghỉ học kì 2 bảo lưu kết quả).
- Học sinh trúng tuyển vào trường THPT: 105/123 (85,4%) Trong đó:
 - + Trường THPT Lê Quý Đôn: 03 HS
 - + Trường DTNT tỉnh: 05 HS

+ Trường THPT Nà Tấu: 97 HS.

b) Kết quả phong trào học sinh giỏi

+ Có 03 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp thành phố.

Trong đó: Lớp 9 có 01 giải ba (môn Ngữ Văn); 02 giải khuyến khích (01 Môn GDCD; 01 môn sử);

+ Có 01 học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh. Trong đó: 01 giải ba môn Ngữ văn.

c) Phong trào các cuộc thi khác:

- Thi khoa học kỹ thuật:

+ Tham gia dự thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố: có 01 sản phẩm đạt giải KK.

- Thi STTTNÑĐ:

+ Tham gia dự thi STTTNÑĐ: có 01 sản phẩm đạt giải KK.

- Các cuộc thi TDTT: giải bơi truyền thống cấp thành phố đạt 01 học sinh đạt huy chương vàng; 02 học sinh đạt huy chương bạc; 05 học sinh đạt huy chương đồng;

- Tham gia Hội khỏe phù đồng cấp thành phố đạt giải ba toàn đoàn (gồm: 5 giải nhất; 03 giải nhì; 15 giải ba) ở các môn: điền kinh, bóng đá, cầu mây, cờ vua, bóng ném, đẩy gậy.

- Liên đội tham gia cuộc thi dân vũ cấp thành phố đạt 01 giải ba.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính năm 2024

a) Các khoản thu phân theo:

a.1. Nguồn ngân sách:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 6.044.900.000 đồng.

- Nguồn ngân sách không tự chủ: 242.100.000 đồng.

a.2. Nguồn thu dịch vụ:

- Nguồn thu học phí: 0 đồng.

- Nguồn thu dịch vụ dạy thêm: 0 đồng.

b) Các khoản chi phân theo:

b.1. Nguồn ngân sách:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 6.044.900.000 đồng.

- Nguồn ngân sách không tự chủ: 242.100.000 đồng

b.2. Nguồn học phí:

- Chi cài cách tiền lương theo NĐ 24/2023/NĐ-CP: 2.900.000 đồng (*Chi từ nguồn học phí được để lại*)

b.3. Nguồn thu dịch vụ dạy thêm, học thêm:

- Chi nộp thuế TNDN: 0 đồng

- Chi lương và các khoản khác: 0 đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2023 - 2024

2.1: Tiền học phí:

- Nhà trường thu 4 tháng từ tháng 9 đến 12 năm 2023:

$376 \text{ học sinh} \times 4 \text{ tháng} \times 25.000 \text{đồng/tháng} = 37.600.000 \text{đ}$

$13 \text{ học sinh} \times 4 \text{ tháng} \times 12.500 \text{đồng/tháng} = 650.000 \text{đ}$

Tổng cộng: 38.250.000đ

- Nhà trường thu 5 tháng từ tháng 01 đến 5 năm 2024:

$68 \text{ học sinh} \times 5 \text{ tháng} \times 25.000 \text{đồng/tháng} = 8.500.000 \text{đ}$

$4 \text{ học sinh} \times 5 \text{ tháng} \times 12.500 \text{đồng/tháng} = 250.000 \text{đ}$

Tổng cộng: 8.750.000đ

- Ngân sách hỗ trợ học phí cho học sinh 4 tháng đầu năm học 2023-2024:

$150 \text{ học sinh} : 4 \text{ tháng} \times 150.000 \text{đ} = 600.000 \text{đ} / 1 \text{ HS}$

- Ngân sách hỗ trợ học phí cho học sinh 5 tháng cuối năm học 2023-2024:

$144 \text{ học sinh} : 5 \text{ tháng} \times 150.000 \text{đ} = 750.000 \text{đồng} / 1 \text{hs}$

2.2 Tiền học thêm tại trường: không

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp; miễn, giảm học phí và học bổng cho học sinh

3.1. Miễn 100% cho học sinh nghèo và học sinh khuyết tật, con thương binh, liệt sĩ theo Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ và ngân sách cấp bù học phí cho học sinh.

Diện miễn: $146 \text{ học sinh} \times 25.000 \text{đ/tháng/học sinh} \times 9 \text{ tháng} = 32.850.000 \text{đ}$

3.2. Giảm 100% học phí đối với hộ nghèo Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ và được ngân sách cấp bù học phí cho học sinh.

Kinh phí: $4 \text{ học sinh} \times 25.000 \text{đ/tháng/học sinh} \times 9 \text{ tháng} = 9.000.000 \text{đ}$

3.3. Giảm 50% học phí đối với hộ cận nghèo Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ và được ngân sách cấp bù học phí cho học sinh.

Kinh phí: $13 \text{ học sinh} \times 12.500 \text{đ/tháng/học sinh} \times 9 \text{ tháng} = 14.625.000 \text{đ}$

3.4. Hỗ trợ chi phí học tập theo Điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ: mỗi em 150.000đ/tháng/ học sinh.

HK 1/NH 2023-2024 là 150 em: Số tiền: 90.000.000đồng

HK 2/NH 2023-2024 là 144 em: Số tiền: 108.000.000 đồng

3.5. Hỗ trợ học tập học bổng và kinh phí mua phương tiện ĐDHT cho học sinh khuyết tật có hoàn cảnh hoàn cảnh khó khăn theo thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013.

- Học kỳ 1/NH 2023-2024: 0 học sinh: 0 đồng

- Học kỳ 2/NH: 2023-2024: 0 học sinh: 0 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định

a) Nguồn ngân sách:

+ Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 0 đồng

+ Nguồn ngân sách không tự chủ: 0 đồng.

b) Nguồn học phí: 25.807.500 đồng.

c) Nguồn dịch vụ dạy thêm: 0 đồng.

5. Các nội dung công khai khác

- Công khai theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ:

- Công khai dự toán giao ngân sách nhà nước năm 2024 (kèm theo Quyết định số: 04/QĐ-THCSNT ngày 15/01/2024 của trường THCS xã Nà Tấu).

- Công khai thực hiện dự toán và quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 (Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-THCS ngày 31/03/2024 của trường THCS xã Nà Tấu).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Về công tác quản lý giáo dục và đào tạo

a) Công tác thông tin, tuyên truyền

Hàng tháng, nhà trường đã phổ biến, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà Nước và các quy định liên quan cho toàn viên chức và người lao động trong nhà trường theo đúng kế hoạch.

Thường xuyên triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM theo tinh thần Chỉ thị 05- CT/TW ngày 15/05/2016 của

Bộ Chính trị; nâng cao nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành.

b) Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị theo đúng tinh thần Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 1/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc thực hiện công khai của nhà trường tại bảng niêm yết và trên website của nhà trường theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính, công khai chất lượng giáo dục học sinh, liên lạc thông báo kết quả học tập của học sinh về gia đình. Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, trung thực với cấp trên.

c) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra nội bộ theo kế hoạch về kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn, nề nếp học tập và rèn luyện của học sinh. Công tác kiểm tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động theo Điều lệ trường học được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế. Quản lý nhà trường theo đúng các văn bản hướng dẫn, Hội đồng tư vấn giáo dục đã được thành lập và phân công thực hiện đúng chức năng.

Năm học 2023-2024: nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

d) Tình hình và kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã tạo điều kiện cho CBQL, và giáo viên tham gia các lớp kỹ năng nền tảng số để chuẩn chuyển đổi số trong giáo dục.

Nhà trường đã triển khai, sử dụng hệ sinh thái VnEdu; ứng dụng khá hiệu quả phần mềm quản lý nhân sự, quản lý hoạt động giảng dạy, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, phần mềm kế toán.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có kỹ năng và sử dụng tốt các phần mềm đáp ứng với yêu cầu công việc.

e) Nhà trường tổ chức giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua lồng ghép vào các môn học, hoạt động giáo dục NGLL cho học sinh.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Công an địa phương làm tốt công tác đảm bảo ANTT trường học.

f) Công tác thông tin, tuyên truyền ở trong nhà và ngoài xã hội được thực hiện khá đầy đủ, kịp thời thông qua công thông tin điện tử của nhà trường, hệ thống liên lạc điện tử, nhóm zalo của giáo viên và phụ huynh, của Liên đội: tạo được sự gắn kết khá chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

g) Nhà trường đã ban hành các nội qui, quy chế dân chủ, quy chế thi đua trong nhà trường được tập thể thực hiện nghiêm túc; phát huy tinh thần trách nhiệm, giải quyết công việc một cách nhanh gọn đúng quy định, không gây phiền hà với đồng nghiệp, với cha mẹ học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng, chống tham nhũng.

h) Thực hiện đúng các khoản thu đầu năm theo quy định tại Quyết định số 19/QĐ-UBND, ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Các hoạt động chuyên môn

a) Cải tiến sinh hoạt tổ, nhóm

Các tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều buổi sinh hoạt chuyên môn, tập trung vào các nội dung xây dựng kế hoạch, triển khai dạy học theo chương trình GDPT 2018 cho học sinh lớp 6, 7; 8 và đổi mới kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

Hồ sơ chuyên môn của tổ và giáo viên thực hiện đầy đủ, đúng quy định, có đầu tư, điều chỉnh phù hợp chuẩn kiến thức, kỹ năng và nội dung dạy học hiện hành. Kế hoạch dạy học biên soạn theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

b) Đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách kiểm tra, đánh giá

Trong hoạt động dạy học, giáo viên luôn quan tâm đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; đặc biệt chú ý rèn luyện cho học sinh kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Đặc biệt trong năm học 2023-2024, trường đã triển khai mô hình dạy học STEM.

Nhà trường đã tổ chức kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ theo hình thức kiểm tra tập trung. Nhà trường đã đổi mới trong khâu ra đề, nâng cao năng lực biên soạn đề của giáo viên; bốc thăm đề ngẫu nhiên, tổ chức in sao đề; hình thức tổ chức

kiểm tra chặt chẽ, an toàn, nghiêm túc; tổ chức chăm tập trung nghiêm túc thể hiện tính công bằng, khách quan.

c) Giáo dục hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khá tốt các hoạt động giáo dục lao động, hướng nghiệp hàng tháng theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường; đã tổ chức cho học sinh toàn trường tham gia hoạt động trải nghiệm trong ngày hội xuân với nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực, mang đậm nét văn hoá dân gian;

Nhà trường cũng đã tổ chức tư vấn cho tất cả học sinh khối 9 đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Tổ chức lao động vệ sinh hàng tuần góp phần làm cho cảnh quan nhà trường xanh, sạch, đẹp; tham gia lao động bảo vệ, vệ sinh môi trường ở địa phương đã giáo dục được cho học sinh ý thức, nghĩa vụ và giá trị lao động.

Bước đầu, hình thành cho học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn thông qua hoạt động KHKT.

* Kết quả: 02 học sinh tham gia dự thi KHKT cấp thành phố với 01 sản phẩm đạt giải khuyến khích cấp thành phố.

d) Thực hiện kế hoạch dự giờ, thao giảng

Việc thao giảng, minh họa chuyên đề, dự giờ, trao đổi kinh nghiệm được tổ chức thường xuyên trong sinh hoạt chuyên môn. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề vướng mắc về nội dung kiến thức trọng tâm, phương pháp vận dụng, thống nhất kiến thức trọng tâm của chương; đặc biệt là những khó khăn vướng mắc và giải pháp thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với khối lớp 6, 7, 8.

e) Tình hình phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi

Nhà trường tổ chức các lớp phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi dưới hình thức bồi dưỡng nội dung nâng cao (dành cho học sinh giỏi) và lớp bồi dưỡng nội dung bám sát (dành cho học sinh yếu). Đặc biệt các lớp bồi dưỡng nội dung bám sát được nhiều học sinh tham gia học tập chuyên cần, nền nếp và hiệu quả.

* Kết quả:

+ Cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hoá lớp 9: Cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9: cấp thành phố: $03/124 = 2,4\%$; Cấp tỉnh: $1/124 = 0,8\%$.

+ Cuộc thi Toán tiếng việt qua mạng: cấp thành phố: 9 học sinh đạt giải (1 giải bạc và 08 giải KK); Tham gia thi cấp tỉnh có 03 học sinh đạt giải (01 giải bạc, 02 giải khuyến khích).

+ Có 02 học sinh đạt giải trong kỳ thi IOE cấp tỉnh, trong đó 01 học sinh đạt giải ba và 01 học sinh đạt giải KK.

f) Giáo dục thể chất và văn thể mỹ

- Nhà trường tổ chức các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018; cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp TDTT chính khóa với các hoạt động thể thao phong trào, chú trọng đến nhu cầu luyện tập thể thao tự chọn của học sinh.

+ Học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp Thành phố đạt: Tham gia Hội khỏe phù đổng cấp thành phố đạt giải ba toàn đoàn (gồm: 5 giải nhất; 03 giải nhì; 15 giải ba) ở các môn: điền kinh, bóng đá, cầu mây, cờ vua, bóng ném, đẩy gậy.

+ Tham gia giải bơi cấp thành phố: đạt 01 học sinh đạt huy chương vàng; 02 học sinh đạt huy chương bạc; 05 học sinh đạt huy chương đồng;

- Nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ xuyên, liên tục, đa dạng, phong phú đã mang lại ý nghĩa giáo dục rất lớn và thu hút học sinh toàn trường tham gia rất sôi nổi.

2. Chăm lo, đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục

a) Tình hình bố trí, sắp xếp đội ngũ, quy hoạch cán bộ

Nhà trường đã bố trí sắp xếp đội ngũ CB, GV, NV đảm bảo trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn theo đúng vị trí việc làm.

Quan tâm tạo điều kiện và bố trí công việc cho các CB, GV trong diện quy hoạch phát huy năng lực, rèn luyện phẩm chất đáp ứng nhu cầu về cán bộ trong thời gian tới.

b) Tình hình và kết quả tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và viên chức.

+ Cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên môn, chính trị do cấp trên tổ chức; nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo viên là cán bộ cốt cán làm công tác chuyên môn của ngành. Công tác bồi dưỡng thường xuyên được triển khai nghiêm túc.

+ Giới thiệu và tạo điều kiện các giáo viên có phẩm chất và năng lực tham gia học tập nâng cao năng lực lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho công tác quy hoạch cán bộ trong giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030.

+ Thực hiện đúng và kịp thời các chế độ, chính sách cho CBQL và GV

khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

3. Xã hội hóa giáo dục và huy động các nguồn tài trợ hợp pháp

Tích cực tuyên truyền và thực hiện đường lối, chính sách về xã hội hoá giáo dục, theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Các khoản thu vận động tài trợ đã hỗ trợ cho các hoạt động của học sinh như: Tôn tạo cảnh quan trường lớp; Hỗ trợ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; Hỗ trợ khen thưởng các cuộc thi về học tập của học sinh ...

Nhận được sự quyên góp ủng hộ từ các mạnh thường quân.

* Kết quả:

+ Học bổng học sinh nghèo vượt khó 4.500.000 (từ Hội khuyến học Thành phố; Phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ; Hội khuyến học xã Nà Tấu).

+ Quyên góp ủng hộ từ các mạnh thường quân : 34.410.000 (bằng các hiện vật: mì tôm, quần áo, sách vở, bánh kẹo)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của trường THCS xã Nà Tấu./.

Nơi nhận:

- PGDĐT (để báo cáo);
- Công khai trên website;
- Lưu: VT, HSCV.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Minh Hải